

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 31

Từ ngày 17/4 đến 21/4 năm 2023

Thứ	Tiết	Môn	Tên bài dạy	Tiết	Môn	Tên bài dạy
Hai 17/4			NGHỈ	1	ĐĐ(2B)	Tìm hiểu quy định nơi công cộng (tiết 1)
				2	LTV(2C)	Luyện tiếng việt
				3	LT (2A)	Ôn luyện toán
Ba 18/4			NGHỈ	1	TNXH (2C)	Các mùa trong năm(tiết 1)
				2	TNXH (1A)	Ôn tập chủ đề con người và sức khỏe (t3)
				3	ĐĐ (5A)	Phòng tránh bị xâm hại (tiết 1)
Tư 19/4	1	TNXH (2D)	Các mùa trong năm (tiết 1)			
	2	ĐĐ(2D)	Tìm hiểu quy định nơi công cộng (tiết 2)			
	3	ĐĐ(1C)	Phòng tránh ngộ độc thực phẩm			
	4	LT(2E)	Ôn luyện toán			
Năm 20/4	1	ĐS(2D)	Đọc sách tại thư viện	1	KT(4D)	Lắp ô tô tải (tiết 1)
	2	ĐĐ(2E)	Tìm hiểu quy định nơi công cộng (tiết 2)	2	LT (1D)	Ôn luyện toán
	3	TNXH (1A)	Cùng khám phá bầu trời (tiết 1)	3	ĐĐ (1D)	Phòng tránh ngộ độc thực phẩm
Sáu 21/4	1	TNXH (2C)	Các mùa trong năm (tiết 2)	1	ĐĐ (3A)	An toàn khi đi bộ (tiết 1)
	2	LT(1A)	Ôn luyện toán	2	ĐS(3A)	Đọc sách tại thư viện
	3	ĐĐ(2A)	Tìm hiểu quy định nơi công cộng (tiết 2)	3	TNXH (2D)	Các mùa trong năm (tiết 2)
	4	LT (2C)	Ôn luyện toán			

ĐẠO ĐỨC 1**BÀI: PHÒNG, TRÁNH NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Kiến thức**

- Nêu được các tình huống nguy hiểm dẫn đến ngộ độc thực phẩm.
- Nhận biết được nguyên nhân và hậu quả của ngộ độc thực phẩm.

2. Kỹ năng

- Thực hiện được một số cách đơn giản và phù hợp để phòng, tránh ngộ độc thực phẩm.

3. Phẩm chất

- Đồng tình với những hành động tuyên truyền về phòng tránh ngộ độc thực phẩm do các loại nguyên do, không đồng tình với những hành vi cố tình vi phạm

4. Năng lực

- Năng lực tự hiểu và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo và chủ động.

II. CHUẨN BỊ

- SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;
- Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mếu, bài thơ, bài hát, video clip... gắn với bài học “Phòng, tránh ngộ độc thực phẩm”;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1**

Hoạt động dạy	Hoạt động học
---------------	---------------

1. Khởi động

Tổ chức hoạt động tập thể - đọc bài "Về ngộ độc thực phẩm"

GV đặt câu hỏi: Qua bài về trên em biết cách phòng, tránh ngộ độc nào?

- HS suy nghĩ, trả lời.

Kết luận: Có rất nhiều cách để phòng, tránh ngộ độc: không ăn thức ăn không rõ nguồn gốc, tránh xa các loại hoá chất, không thử các thức ăn lạ, không uống thuốc quá liều,... Em cần học cách phòng, tránh ngộ độc.

2. Khám phá

Nhận diện những tình huống có thể dẫn tới ngộ độc thực phẩm

- GV chiếu/treo tranh mục Khám phá lên bảng để HS quan sát (hoặc HS quan sát tranh trong SGK).

- GV nêu yêu cầu:

+ Em hãy quan sát tranh và cho biết những tình huống nào có thể dẫn tới ngộ độc thực phẩm?

+ Em hãy nêu hậu quả của ngộ độc thực phẩm.

+ Theo em, còn những tình huống nào khác có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm?

+ Em cần làm gì để phòng, tránh ngộ độc thực phẩm?

- GV gợi ý để HS trả lời:

+ Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm: ăn thức ăn không che đậy kín, uống

-HS đọc

-HS trả lời

- HS quan sát tranh

- HS trả lời

- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.

-HS lắng nghe

nước chưa đun sôi, ăn thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ...

+ Những nguyên nhân này gây ra hậu quả: đau bụng, ảnh hưởng đến sức khỏe.

Kết luận: Bảo vệ thức ăn khỏi ruồi muỗi, ăn chín, uống sôi, để riêng thịt và rau quả, rửa sạch thực phẩm, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn để tránh vi khuẩn và ngộ độc thực phẩm.

3. **Luyện tập**

Hoạt động 1 Em chọn việc nên làm

- GV chiếu hoặc treo tranh của mục Luyện tập lên bảng, HS quan sát trên bảng hoặc trong SGK. Sau đó, chia HS thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm: Hãy quan sát các bức tranh, thảo luận và lựa chọn việc nào nên làm, việc nào không nên làm và giải thích vì sao.

- HS thảo luận, cử đại diện nhóm lên bảng, dán sticker mặt cười vào hành vi nên làm, sticker mặt méo vào hành vi không nên làm. HS có thể dùng thẻ học tập hoặc dùng bút chì đánh dấu vào tranh, sau đó đưa ra lời giải thích cho sự lựa chọn của mình.

- GV gọi các HS khác nhận xét, bổ sung và sau đó đưa ra kết luận.

Kết luận:

- Việc nên làm: Rửa tay sạch trước khi ăn (tranh 1); Đậy kín thức ăn để tránh ruồi (tranh 2); Uống nước đã được đun sôi (tranh 4).

- Việc không nên làm: Uống nước trực tiếp từ vòi

- Học sinh trả lời

- HS tự liên hệ bản thân kể ra.

HS lắng nghe.

- HS quan sát

-HS chọn

(tranh 3); Ăn bắp ngô bị ruồi đậu (tranh 5).

Hoạt động 2 Chia sẻ cùng bạn

- GV nêu yêu cầu: Em đã phòng, tránh ngộ độc thực phẩm như thế nào? Hãy chia sẻ với bạn.

- GV tùy thuộc vào thời gian của tiết học có thể mời một số HS chia sẻ trước lớp hoặc các em chia sẻ theo nhóm đôi.

- HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.

- GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết cách phòng, tránh ngộ độc thực phẩm.

4. Vận dụng

Hoạt động 1 xử lí tình huống

- GV giới thiệu tình huống: Hiếu và em đi hội chợ gần nhà. Em của Hiếu rất thích nước ngọt có màu xanh đỏ và đòi Hiếu mua. Nếu là Hiếu, em sẽ nói gì?

- GV gợi ý các phương án trả lời và nhận xét tính hợp lí của phương án.

1/ Em ơi, mình không nên uống nước không rõ nguồn gốc.

2/ Em ơi, về nhà anh sẽ nói với mẹ pha nước cam cho anh em mình nhé.

3/ Em ơi, những nước này có phẩm màu độc hại mình không nên mua uống.

- GV cho HS trình bày các lời khuyên khác nhau và phân tích chọn ra lời khuyên hay nhất.

Kết luận: Không nên sử dụng đồ ăn, nước uống không rõ nguồn gốc.

Hoạt động 2 Em thực hiện một số cách phòng,

-HS lắng nghe

-HS chia sẻ

-HS nêu

-HS lắng nghe

-HS thảo luận và nêu

-HS lắng nghe

<p>tránh ngộ độc thực phẩm</p> <p>- HS đóng vai nhắc nhau phòng, tránh ngộ độc thực phẩm. HS có thể tưởng tượng và đóng vai nhắc bạn cách phòng, tránh ngộ độc thực phẩm (ăn chín, uống sôi, không dùng thực phẩm quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không ăn quà vặt ngoài đường,...) trong các tình huống khác nhau.</p> <p>- Ngoài ra, GV có thể cho HS đưa ra những lời khuyên đối với các việc không nên làm trong phần Luyện tập.</p> <p><i>Kết luận:</i> Em thực hiện phòng, tránh ngộ độc thực phẩm để đảm bảo an toàn cho bản thân.</p> <p><i>Thông điệp:</i> GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK), đọc.</p> <p>* Củng cố, dặn dò</p>	<p>-HS lắng nghe</p> <p>- HS nêu</p> <p>- HS nêu</p>
--	--

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

BÀI 25: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE
(TIẾT 2 + 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nêu được những kiến thức đã học về cơ thể người; vệ sinh cá nhân và các giác quan; ăn, uống và vệ sinh trong ăn, uống: vận động và nghỉ ngơi hợp lí; các biện pháp tự bảo vệ mình.

2. Kỹ năng

- Đề xuất và thực hiện được những thói quen có lợi cho sức khoẻ về ăn, uống, vệ sinh thân thể, vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ.

3. Phẩm chất

- Biết quý trọng cơ thể, có ý thức tự giác chăm sóc và bảo vệ cơ thể mình cũng như tuyên truyền nhắc nhở cho những người xung quanh cùng thực hiện.

4. Năng lực

- Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động trong giờ học
- Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

II. CHUẨN BỊ

- Hình phóng to trong SGK (nếu có thể).
- Các đoạn phim/các hình vẽ hướng dẫn trẻ phòng chống xâm hại.
- Chuẩn bị các câu hỏi (cho vào trong quả) và một số món quà để cho HS chơi trò chơi chăm sóc "cây sức khoẻ".
- HS: Một số tranh, ảnh về gia đình mình (nếu có)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Tiết 2 và Tiết 3	
<p>2. Hoạt động vận dụng Hoạt động 1</p> <p>Ì- GV cho lớp chơi trò chơi đóng vai xử lí tình huống.</p> <p>- GV nhận xét cách xử lý tình huống</p> <p>-GV có thể cho HS xem các clip về chống bạo hành như các đoạn clip về quy tắc 5 ngón tay, hay clip hướng dẫn trẻ cách tự bảo vệ mình,</p>	<p>- HS chơi đóng vai tình huống</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS theo dõi</p>

<p>phòng tránh xâm hại tình dục,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt, chuyên ý <p><i>Yêu cầu cần đạt:</i> HS biết cách xử lí những tình huống không an toàn với bản thân mình, với bạn bè và người thân xung quanh, nhận ra được sự cần thiết phải có sự giúp đỡ của người lớn.</p> <p>Hoạt động 2</p> <p>Tự đánh giá cuối chủ đề: Khai thác hình ảnh tổng hợp thể hiện sản phẩm học tập và HS đạt được sau khi học xong chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự đánh giá xem đã thực hiện được những nội dung nào được nêu trong khung. - GV hướng dẫn HS tự làm một sản phẩm học tập (gợi ý: HS lên một tấm bia trên có là hình ảnh HS sưu tầm các biện pháp bảo vệ, chăm sóc các giác quan, các bộ phận của cơ thể). - GV đánh giá tổng kết sau khi HS học xong một chủ đề (sử dụng bài tự luận, trắc nghiệm khách quan). <p>3. Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tự bảo vệ mình và biết được cần tôn trọng và bảo vệ người thân và bạn bè xung quanh. - Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất: GV cho HS thảo luận nhóm theo hình tổng kết cuối bài: Hoa da làm được những việc lâu nào để bảo vệ các giác quan và cơ thể mình? Cùng chia sẻ với bạn những việc làm của mình để chăm sóc và bảo vệ cơ thể. <p>4. Hướng dẫn về nhà</p> <p>Nhắc HS tìm thêm các phương án hợp lý với mình và người thân khi gặp những tình huống bị bắt nạt hoặc những tình huống không an toàn khi gặp người lạ.</p> <p>* Tổng kết tiết học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài học - Nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS lắng nghe - HS thực hành sản phẩm - HS lắng nghe - HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm theo hình tổng kết cuối bài và chia sẻ với bạn - HS lắng nghe - HS nhắc lại - HS lắng nghe
--	--

- Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau	
---------------------------------	--

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 6: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI
BÀI 26: CÙNG KHÁM PHÁ BẦU TRỜI (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Kiến thức**

- Nhận biết và nêu được các đặc điểm của bầu trời ban ngày. Mô tả được bầu trời ban ngày ở mức độ đơn giản bằng hình vẽ và lời nói.
- Nhận biết và nêu được các đặc điểm của bầu trời ban đêm. Mô tả được bầu trời ban đêm ở mức độ đơn giản bằng hình vẽ và lời nói.
- Nêu được sự khác biệt của bầu trời ban ngày và ban đêm ở mức độ đơn giản. Nhận biết và hiểu được những lợi ích của Mặt Trời đối với sinh vật và đời sống con người.

2. Kỹ năng

- Có kỹ năng quan sát, tổng hợp thông tin và khả năng tương lượng: có thái độ và hành vi đúng khi tiếp xúc với ánh nắng, mặt trời: Không được nhìn trực tiếp vào Mặt Trời; ko kính râm, đội mũ nón,... khi ra ngoài trời nắng gắt. Cảm nhận được vẻ đẹp của tự nhiên và nhanh thích tìm tòi, khám phá về bầu trời và các hiện tượng tự nhiên.

3. Phẩm chất

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ, cố gắng học tập

4. Năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

II. CHUẨN BỊ

- GV: Phiếu quan sát cho nhóm đôi và cho nhóm lớn (khô A4). + Giấy khô lớn (A3 hoặc A3); bút màu cho các nhóm, nhiều so sánh bầu trời cho các nhóm
- HS: Giấy A4, bút, màu vẽ; phiếu quan sát bầu trời ban đêm. + Phiếu quan sát bầu trời ban ngày và ban đêm đã hoàn thành; tìm hiểu thông tin về Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao, - GV và HS: Kính râm, hoặc các miếng kính màu đen, mũ, nón hoặc áo mưa, ô tùy theo thời tiết.

+ *Lưu ý:* Từ tiết này HS thực hiện dự án “Tìm hiểu bầu trời và thời tiết” vì vậy GV cần nhắc nhở HS và giúp các nhóm lưu giữ các phiếu đã thực hiện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Tiết 1	

1. Mở đầu:

-GV cho HS vừa hát vừa nhảy theo nhạc hoặc clip (nếu có điều kiện) bài hát Châu về ông Mặt Trời

- GV nhận xét

- GV giới thiệu bài mới

2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1

- GV yêu cầu HS ra ngoài trời quan sát.

- GV yêu cầu HS đọc có hiểu nội dung của phiếu quan sát bầu trời và hoàn thành phiếu.

- HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát và điền vào phiếu, mu đó thảo luận nhóm lớn để thống nhất hoàn thiện phiếu quan sát chung của nhóm lớn.

- Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp.

- GV nhận xét

Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết và nêu được các đặc điểm của bầu trời hiện tại: các đám mây, lộ nhiều, ít và màu sắc của chúng Mặt Trời; biết được sự cần thiết phải đội mũ nón khi đi dưới trời nắng và không được nhìn trực tiếp vào Mặt Trời.

Hoạt động 2

- GV cho HS quan sát các hình bầu trời trong 3 hình nhỏ và trả lời câu hỏi.

- GV giới thiệu thêm có là bầu trời vào 3 thời điểm khác nhau trong ngày: sáng, trưa, chiều.

Yêu cầu cần đạt: HS mô tả được ở mức độ đơn giản của bầu trời vào buổi sáng, trưa, chiều, nhấn mạnh sự khác biệt về vị trí của Mặt Trời,

3. Hoạt động thực hành

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

Yêu cầu cần đạt: HS biết quan sát và vẽ đúng các đặc điểm của bầu trời tại thời điểm quan sát (ban ngày). thêm yêu thích khám phá bầu trời.

- GV nhận xét sau khi HS hoàn thành

- HS vừa hát vừa nhảy theo nhạc

- HS lắng nghe

- HS ra ngoài trời quan sát

- HS đọc yêu cầu

- HS làm việc nhóm

- Đại diện nhóm lên trình bày trước

lớp.

- HS nhận xét

- HS lắng nghe

- HS quan sát các hình bầu trời

- HS lắng nghe

- HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ

- HS lắng nghe

- HS thực hiện

- HS lắng nghe

4.Đánh giá

-HS biết quan sát và mô tả bầu trời ở mức độ đơn giản: yêu thích khám phá bầu trời.

5.Hướng dẫn về nhà

-HS giữ lại phiếu quan sát bầu trời đã hoàn thiện cho bài học sau. HS quan sát bầu trời ban đêm vào các tối tiếp theo và ghi vào phiếu quan sát theo mẫu ở tiết 2, SGK.

*** Củng cố, dặn dò**

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TOÁN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức**

- Làm quen với các phép tính cộng trừ 2 chữ số, ba chữ số
- Đọc hiểu được các bài toán mẹo, toán có lời giải

2. Kỹ năng

- HS thực hiện cộng trừ, so sánh hai tổng hoặc so sánh các hiệu

3. Phẩm chất

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ, cố gắng học tập

4. Năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh										
1. Khởi động: (5p) - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ										
2. Hoạt động thực hành (30p) * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.	- Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp										
Bài 1: Nói 2 cột với nhau <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: left;">Cột A</th> <th style="width: 50%; text-align: left;">Cột B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>24 + 42</td> <td>33 + 44</td> </tr> <tr> <td>56 – 34</td> <td>58 – 36</td> </tr> <tr> <td>73 – 53</td> <td>98 - 32</td> </tr> <tr> <td>66 + 11</td> <td>43 - 23</td> </tr> </tbody> </table>	Cột A	Cột B	24 + 42	33 + 44	56 – 34	58 – 36	73 – 53	98 - 32	66 + 11	43 - 23	Đáp án:
Cột A	Cột B										
24 + 42	33 + 44										
56 – 34	58 – 36										
73 – 53	98 - 32										
66 + 11	43 - 23										
Bài 2: Điền dấu >, <, = 52 – 21 ... 75 – 42 24 + 32 ... 64 – 14											

55 – 25 ... 60 – 30 48 – 25 ... 56 - 32

Bài 3. Một vườn hoa có 58 bông hoa cúc, số hoa cúc nhiều hơn số hoa hồng là 17 bông.

Hỏi vườn đó có bao nhiêu hoa hồng

- GV chữa bài và tổ chức cho HS trao đổi bài để nhận xét kết quả làm bài

* **Củng cố, dặn dò** (2p)

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

Tự nhiên và Xã hội
BÀI 28: CÁC MÙA TRONG NĂM (Tiết 1+ 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu được tên và một số đặc điểm (thời tiết, cảnh vật) của các mùa xuân, hạ, thu, đông; nêu được nơi có thời tiết bốn mùa ở nước ta.
- Nêu được tên và một số đặc điểm của mùa mưa, mùa khô; nêu được nơi có thời tiết hai mùa ở nước ta.

2. Phát triển năng lực và phẩm chất:

- Có ý thức theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện việc lựa chọn trang phục và đồ dùng phù hợp với thời tiết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài; Phiếu học tập.
- HS: SGK; hình ảnh sưu tầm về bốn mùa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở cho HS nghe và vận động theo nhịp bài hát <i>Khúc ca bốn mùa</i>. - Cho HS chia sẻ với bạn theo cặp về những hình ảnh bốn mùa mình mang tới lớp. - GV dẫn dắt, giới thiệu bài. <p>2. Khám phá:</p> <p>*Hoạt động 1: Tìm hiểu bốn mùa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS quan sát hình trong sgk/tr.104, thảo luận nhóm bốn: Cảnh vật trong mỗi hình là mùa nào trong năm? Vì sao? - Đồng thời, phát phiếu, YC HS hoàn thành đặc điểm các mùa với những từ gợi ý vào phiếu học tập. - Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp. - Nhận xét, tuyên dương. <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu hai mùa mưa, khô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS quan sát hình trong sgk/tr.105, thảo luận nhóm đôi: <ul style="list-style-type: none"> + Hình nào thể hiện mùa mưa? + Hình nào thể hiện mùa khô? + Vì sao em biết? (GV gợi ý một số từ ngữ về hai mùa) - Nhận xét, tuyên dương. <p>3. Thực hành:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện. - HS chia sẻ. - HS thảo luận theo nhóm 4. - HS thực hiện. - 3-4 HS đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. - HS thảo luận theo cặp, sau đó chia sẻ trước lớp.

<ul style="list-style-type: none">- Nơi em đang sống có các mùa nào?- Nêu đặc điểm thời tiết của mùa đó?- Gọi HS đọc lời chót của Mặt Trời.- GV nhận xét, tuyên dương. <p>* Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hôm nay em được biết thêm được điều gì qua bài học?- Nhắc HS về nhà nghe dự báo thời tiết.	<ul style="list-style-type: none">- 2-3 HS trả lời.- 2-3 HS nêu.- HS đọc nối tiếp. <ul style="list-style-type: none">- HS chia sẻ.
--	---

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC**BÀI 14: TÌM HIỂU QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG (Tiết 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học để thực hành xử lý tình huống cụ thể.
- Vận dụng nội dung bài học vào cuộc sống để thể hiện tốt các nội quy nơi công cộng

2. Phát triển năng lực và phẩm chất:

- Rèn năng lực phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi.
- Hình thành phẩm chất trách nhiệm, rèn luyện các chuẩn hành vi pháp luật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài.
- HS: SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những quy định nơi công cộng mà em biết ? - Nhận xét, tuyên dương HS. <p>2. Dạy bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài:</p> <p>2.2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.64-65, nêu quy định cần tuân thủ khi đến địa điểm đó. - Tổ chức cho HS chia sẻ từng tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS nêu. - HS quan sát tranh. - 6 HS chia sẻ. + Tranh 1: Chùa; Khi đến chùa không gây ồn ào ,không chen lấn xô đẩy,cần ăn mặc lịch sự. + Tranh 2: Siêu thị; Khi đi siêu thị cần xếp hàng đúng quy định,không chen lấn xô đẩy. + Tranh 3: Thư viện ;Khi đến thư viện cần xếp hàng theo quy định ,không mất trật tự ,sắp xếp sách ,truyện đúng nơi quy định. + Tranh 4: Rạp hát ;Khi đến rạp hát cần xếp hàng theo quy định, không ồn ào ,không chen lấn xô đẩy. +Tranh 5:Nhà văn hóa ; Khi đến nhà văn hóa chúng ta cần giữ gìn vệ sinh chung

<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt câu trả lời. - Nhận xét, tuyên dương. <p>2.3. Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi chia sẻ với bạn những quy định nơi gia đình em đang sống. -Đại diện HS lên chia sẻ trước lớp -GV nhận xét,tuyên dương các nhóm -GV chiếu thông điệp lên bảng +gọi 2-3 HS đọc lại thông điệp -Cả lớp đọc đồng thanh <p>* Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay em học bài gì? - Về nhà hãy vận dụng bài học vào cuộc sống. - Nhận xét giờ học. 	<p>+Tranh 6:Bãi biển ; Khi đi biển cần giữ gìn vệ sinh chung,cần mặc áo phao khi đi bơi và đi cùng người lớn</p> <p>-HS thảo luận</p> <p>- HS chia sẻ.</p> <p>-2-3 HS đọc</p> <p>-Lớp đọc đồng thanh</p>
---	--

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TOÁN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức**

- Nâng cao khả năng tính cộng trừ hai chữ số, ba chữ số
- Làm quen với các bài toán mẹo, bài toán có lời giải

2. Kỹ năng

- HS thực hiện cộng có nhớ, trừ hai chữ số, ba chữ số, biết viết lời giải cho bài toán

3. Phẩm chất

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ, cố gắng học tập

4. Năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (5p) - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành (30p) * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.	- Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp <u>Đáp án:</u>
Bài 1: Nói đáp án đúng $452 - 340$ $872 - 708$ $835 - 64$ $344 + 427$ $746 - 582$ $566 - 454$ $604 - 321$ $109 + 354$	
Bài 2: Đặt tính rồi tính và viết số thích hợp vào chỗ trống: $549 - 2...5 = ...1...$ $765 - ...4... = 318$ $6...8 - ...74 = 46...$ $973 - ...3... = 4...5$	
Bài 3: Ở trang trại có 315 con gà, số con vịt ít hơn gà 58 con, số con lợn ít hơn số con vịt 135 con. Hỏi	

- | | |
|---|--|
| <p>a) Trang trại đó có bao nhiêu con vịt ?
b) Trang trại đó có bao nhiêu con lợn ?
c) Trang trại đó có tất cả bao nhiêu con vật ?</p> | |
|---|--|

* **Củng cố, dặn dò** (2p)

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TIẾNG VIỆT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức**

- phân biệt được các từ chỉ sự vật, con người, hành động
- Biết cách viết hoàn chỉnh câu văn

2. Kỹ năng

- HS nhớ được cách sử dụng các từ chỉ sự vật, con người, hành động

3. Phẩm chất

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ, cố gắng học tập

4. Năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (3p) - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành (30p) * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. Bài 1: Điền vào chỗ chấm và viết lại câu văn sau khi đã điền: a) r hoặc d òng sông...òng mênh mông, bốn mùa ...ạt....ào sóng nước. b) ut hoặc uc Nhóm thanh niên l.... lưỡng ra s....chèo thuyền b....lên phía trước Bài 2) Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái thích hợp : Mẹ ôm bé chẳng đi đâu Viên bi cũng quả cầu	Bài

Súng nhựa bé.....đi rồi

Bé tiếng động nó.....vào nhà

Mẹ ôm bé chẳng.....quà

Bé mẹ, cứ đi ra,

(Từ cần điền : *thương, vùi, nghỉ, ngồi chơi, đi vào, cất, sợ, rơi*)

Bài 2: Viết một đoạn văn từ 4-5 câu về nghề nghiệp của người thân trong gia đình em

* **Củng cố, dặn dò** (2p)

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC**CHỦ ĐỀ 8: TUÂN THỦ QUY TẮT AN TOÀN GIAO THÔNG****Bài 9: Đi bộ an toàn (Tiết 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức**

- Nêu được các quy tắc đi bộ an toàn.
- Nêu được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc đi bộ an toàn.
- Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi bộ.

2. Kỹ năng

- Biết cách phân biệt các làn đường dành cho người đi bộ
- Hiểu được quy tắc, quy định trên đường đi bộ tránh để xảy ra tai nạn

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Ý thức giữ gìn nét đẹp văn hóa giao thông đường bộ.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

4. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các quy tắc an toàn khi đi bộ(12')

- GV yêu cầu HS quan sát tranh tình huống trong SGK.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi

+ Việc đi bộ của các bạn đã đảm bảo an toàn chưa? Vì sao?

+ Khi đi bộ, chúng ta cần tuân thủ các quy tắc an toàn nào?

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung

- GV nhận xét tuyên dương.

- HS quan sát tranh tình huống trong SGK.

- HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi

- HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung

+ Việc đi bộ của các bạn trong các tranh tình huống đã đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

+ Khi đi bộ, chúng ta cần tuân thủ các quy tắc an toàn như: đi trên hè phố, lề đường; trong trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì cần đi sát mép đường; qua đường ở ngã tư, đi vào vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và tuân thủ đèn tín hiệu giao thông,...

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn khi đi bộ(12')

- GV yêu cầu HS quan sát tranh để mô tả hành vi của các bạn trong mỗi tranh và nêu hậu quả có thể xảy ra.

- GV yêu cầu HS trao đổi, chia sẻ kết quả mô tả, nhận xét tình huống với bạn bên cạnh(nhóm đôi)

- HS quan sát tranh để mô tả hành vi của các bạn trong mỗi tranh và nêu hậu quả có thể xảy ra.

- HS trao đổi, chia sẻ kết quả mô tả, nhận xét tình huống với bạn bên cạnh(nhóm đôi)

- HS chia sẻ trước lớp.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 số HS chia sẻ trước lớp. + Theo em, Vì sao phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ? - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi bộ là rất cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho chính chúng ta và những người tham gia giao thông. - HS lắng nghe.
<p>3. Vận dụng.(3-5')</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ với bạn theo nhóm đôi: + Em hãy đi bộ trong các trường hợp nào? + Em hãy chia sẻ với bạn trong nhóm các quy tắc an toàn mà em đã thực hiện khi đi bộ? - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ với bạn theo nhóm đôi: +HS trả lời + HS trả lời - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

KĨ THUẬT
LẮP Ô TÔ TẢI (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức**

- Nắm được tác dụng của ô tô tải và quy trình lắp ô tô tải
- Chọn đúng, đủ số lượng các chi tiết để lắp xe tải

2. Kỹ năng

- Bước đầu thực hành lắp được ô tô tải theo hướng dẫn

3. Phẩm chất

- Tích cực, tự giác, yêu thích môn học

4. Năng lực

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mỹ, NL sáng tạo, NL hợp tác

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh quy trình, mẫu xe tải
- HS: Bộ dụng cụ lắp ghép

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành
- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ khởi động (3p) - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.
2. Khám phá: (30p) * Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp	
HĐ1: Quan sát và nhận xét mẫu. - GV cho HS quan sát tranh, ảnh chụp ô tô tải – Yêu cầu nêu tác dụng của ô tô tải - GV giới thiệu mẫu ô tô tải lắp sẵn. - Hướng dẫn HS quan sát từng bộ phận. Hỏi: + <i>Ô tô tải gồm mấy bộ phận?</i> HĐ2: GV hướng dẫn thao tác kỹ thuật. a/ GV hướng dẫn HS chọn các chi tiết theo SGK - GV cùng HS gọi tên, số lượng và chọn từng loại chi tiết theo bảng trong SGK và xếp vào hộp. b/ Lắp từng bộ phận	Cá nhân – Lớp - HS quan sát tranh, nêu tác dụng: Ô tô tải dùng để chở hàng hoá - Quan sát mẫu + 3 bộ phận: giá đỡ bánh xe, sàn cabin, cabin, thành sau của thùng, trục bánh xe. - HS thực hành cùng GV

<p>* Lắp giá đỡ trực bánh xe và sàn cabin H.2 SGK</p> <p>+ Để lắp được bộ phận này ta cần phải lắp mấy phần?</p> <p>- Lắp cabin: cho HS quan sát H.3 SGK và hỏi:</p> <p>+ Em hãy nêu các bước lắp cabin?</p> <p>- GV tiến hành lắp theo các bước trong SGK.</p> <p>- GV gọi HS lên lắp các bước đơn giản.</p> <p>* Lắp thành sau của thùng xe và lắp trực bánh xe H.5 SGK.</p> <p>Đây là các bộ phận đơn giản nên GV gọi HS lên lắp.</p> <p>c/ Lắp ráp xe ô tô tải</p> <p>- GV cho HS lắp theo qui trình trong SGK.</p> <p>- Kiểm tra sự chuyển động của xe.</p> <p>d/ GV hướng dẫn HS thực hiện tháo rời các chi tiết và xếp gọn vào trong hộp.</p> <p>*Củng cố (2p)</p>	<p>+ 2 phần: Giá đỡ trực bánh xe, sàn cabin.</p> <p>- 4 bước theo SGK.</p> <p>- HS theo dõi.</p> <p>- 2 HS lên lắp.</p> <p>- HS lắp và nhận xét.</p> <p>- HS bước đầu thực hành lắp ghép</p> <p>- Thực hành lắp xe tải</p> <p>- Thi lắp ghép nhanh</p>
--	--

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC**PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (TIẾT 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :****1. Kiến thức**

- Nêu một số tình huống có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại và những điểm cần chú ý để phòng tránh bị xâm hại.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng ứng phó với nguy cơ bị xâm hại.

3. Phẩm chất

- Giáo dục HS kỹ năng phân tích, phán đoán các tình huống; kỹ năng ứng phó với tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

4. Năng lực

- Hình thành, phát triển NL : Tự chủ, Giải quyết vấn đề NI hợp tác; NL tìm hiểu xã hội..

- Hình thành, phát triển PC: Trung thực, tự tin

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Gv: Hình trong SGK, video về các tệ nạn xâm hại ở trẻ em.

- HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1. Khởi động</p> <p>- Với người bị nhiễm HIV chúng ta cần có thái độ như thế nào?</p> <p>- Nhận xét</p> <p>* Khởi động: Trò chơi “Chanh chua cua bắp”</p> <p>+ Cho lớp đứng gần nhau, tay trái giơ ngang vai, bàn tay ngửa, xoè ra. Ngón trỏ tay phải để vào lòng bàn tay trái người đứng cạnh mình.</p> <p>+ GV hô “chanh” – HS hô “chua”</p> <p>GV hô “cua” – HS hô “bắp”. Đồng thời bàn tay trái nắm lại để bắp ngón tay của bạn. Tay phải rút nhanh. Người bị bắp là thua cuộc.</p> <p>- Các em rút ra bài học gì qua trò chơi?</p> <p>2. Khám phá</p> <p>- Nội dung:</p> <p>* Quan sát và thảo luận.</p> <p>- Yêu cầu lớp quan sát H.1, 2, 3 (Tr.38) và thảo luận nhóm 4. Nêu nội dung từng hình?</p> <p>- Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả</p> <p>- Nêu một số tình huống có thể dẫn đến nguy cơ</p>	<p>- 2, 3 HS trả lời.</p> <p>- HS đứng theo tổ. Cùng chơi trò chơi</p> <p>- HS tự rút ra bài học.</p> <p>- Lớp thảo luận nhóm 4</p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả</p> <p>+ Đi một mình nơi tối tăm, vắng vẻ; ở</p>

<p>bị xâm hại?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn có thể làm gì để phòng tránh nguy cơ bị xâm hại? - GV nhận xét, kết luận. - Gọi HS đọc mục "Bạn cần biết". <p>3. Hoạt động luyện tập thực hành</p> <p>* Đóng vai "Ứng phó với nguy cơ bị xâm hại"</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho 3 tổ. +Tổ 1: Làm gì khi có người lạ tặng quà cho mình? +Tổ 2: Phải làm gì khi có người lạ muốn vào nhà? +Tổ 3: Phải làm gì khi có người trêu ghẹo hoặc có hành động gây bối rối, khó chịu đối với bản thân? - Trong trường hợp bị xâm hại, ta phải làm gì? <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận nội dung bài học. - Gọi HS đọc mục: Bạn cần biết <p>3. Hoạt động vận dụng và trải nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ai là người em có thể tin cậy, chia sẻ, tâm sự, nhờ giúp đỡ bản thân khi bị xâm hại? - GV nhận xét giờ học. <p>* Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thực hiện phòng tránh bị xâm hại. - Chuẩn bị bài sau 	<p>trong phòng kín với người lạ; đi nhờ xe người lạ;...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không đi một mình nơi tối tăm vắng vẻ; không ở trong phòng kín một mình với người lạ; không đi nhờ xe người lạ. - HS đọc mục "Bạn cần biết". <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận tổ cách ứng xử. - Cử người lên đóng vai. - Các tổ khác theo dõi, nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> + Tìm cách tránh xa kẻ đó; bỏ đi ngay; nhìn thẳng vào mặt và hét to...; kể với người tin cậy để nhận được sự giúp đỡ. - HS đọc mục: "Bạn cần biết" (Tr.39) <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
---	---

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....